

Số: 1842/BC-BCĐ

Hà Nội, ngày 08 tháng 10 năm 2019

CỤC CHÍNH SÁCH T.C.C.T

SỐ ĐẾN: 608.2

NGÀY: 09/10/2019

BÁO CÁO

Tổng kết thực hiện Quyết định số 49/2015/QĐ-TTg ngày 14/10/2015 của Thủ tướng Chính phủ về một số chế độ, chính sách đối với dân công hỏa tuyến tham gia kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ, chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế

Thực hiện kết luận của Bộ Chính trị tại Thông báo số 192-TB/TW ngày 29/01/2015; Quyết định số 49/2015/QĐ-TTg ngày 14/10/2015 của Thủ tướng Chính phủ về một số chế độ, chính sách đối với dân công hỏa tuyến tham gia kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ, chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế; trên cơ sở tình hình, kết quả triển khai tổ chức thực hiện và báo cáo tổng kết của các đơn vị, địa phương trong toàn quốc, Ban Chỉ đạo 24 Bộ Quốc phòng báo cáo kết quả thực hiện chính sách đối với dân công hỏa tuyến theo Quyết định nêu trên và đề xuất phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp tổ chức thực hiện trong thời gian tới, như sau:

Phần 1

KẾT QUẢ THỰC HIỆN QUYẾT ĐỊNH SỐ 49/2015/QĐ-TTg CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

1. Thuận lợi

Chính sách đối với dân công hỏa tuyến theo Quyết định số 49/2015/QĐ-TTg ngày 14/10/2015 của Thủ tướng Chính phủ là chủ trương, chính sách lớn của Đảng, Nhà nước, có ý nghĩa chính trị - xã hội sâu rộng, góp phần tăng cường an sinh xã hội, ổn định tình hình chính trị - xã hội ở các địa phương và trong cả nước; được cấp ủy, chính quyền các địa phương quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện; nhân dân và đối tượng chính sách đồng tình ủng hộ; dư luận xã hội ghi nhận, đánh giá cao; các nguồn lực bảo đảm thực hiện chính sách được Nhà nước và các Bộ, ngành, đơn vị, địa phương chuẩn bị chu đáo, kịp thời.

Quá trình triển khai tổ chức thực hiện chính sách đối với dân công hỏa tuyến đã kế thừa kinh nghiệm trong lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện các Quyết định trước đó của Thủ tướng Chính phủ về chính sách đối với các đối tượng tham gia kháng chiến, chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế (Quyết định 290, 188, 142, 62); đồng thời, đã được tổ chức sơ kết, rút kinh nghiệm ở các cấp; các vướng mắc, phát sinh được chỉ đạo, hướng dẫn giải quyết kịp thời.

2. Khó khăn

Thời gian đầu triển khai thực hiện Quyết định số 49/2015/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, các đơn vị, địa phương đang chuẩn bị và tổ chức Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XII, bầu cử Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2016 - 2021, bầu cử Quốc hội khóa XIV và cùng lúc phải triển khai thực hiện nhiều chính sách mới ban hành; do đó, có khó khăn nhất định trong việc kiện toàn Ban Chỉ đạo các cấp, ảnh hưởng đến tiến độ triển khai thực hiện.

Số lượng đối tượng tham gia dân công hỏa tuyến tương đối lớn; địa bàn thực hiện nhiệm vụ rộng (trong nước, Lào, Campuchia) và trải dài qua các thời kỳ chiến tranh (chống Pháp, chống Mỹ, bảo vệ Tổ quốc). Thời gian tham gia dân công hỏa tuyến của đối tượng ngắn, nhiều đợt khác nhau. Phần lớn đối tượng tuổi đã cao, sức yếu, hoặc đã từ trần, không có hoặc không lưu giữ được giấy tờ; nhiều đối tượng di cư sinh sống ở địa phương khác... Do đó, việc kê khai, xác lập hồ sơ đề nghị hưởng chế độ của đối tượng và thân nhân đối tượng gặp nhiều khó khăn¹.

Đội ngũ cán bộ lãnh đạo, cấp uỷ, chính quyền cơ sở phần lớn trưởng thành sau chiến tranh; lực lượng cán bộ chuyên môn làm công tác chính sách ở các cấp có sự biến động theo yêu cầu nhiệm vụ; do vậy, kinh nghiệm thực tiễn và việc tích lũy kiến thức về công tác chính sách chưa nhiều, dẫn đến có sự hạn chế nhất định trong công tác tham mưu, đề xuất, tổ chức thực hiện chính sách và giải quyết các vướng mắc phát sinh.

II. KẾT QUẢ TỔ CHỨC THỰC HIỆN

A. NHỮNG ƯU ĐIỂM CHỦ YẾU

1. Nghiên cứu, đề xuất ban hành các văn bản quy phạm pháp luật; văn bản chỉ đạo, hướng dẫn triển khai thực hiện chính sách, bảo đảm kịp thời, đồng bộ, thống nhất

Ngay sau khi có chủ trương của Bộ Chính trị, Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Quốc phòng đã chủ trì, phối hợp với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính và các Bộ, ngành liên quan nghiên cứu, ban hành Thông tư liên tịch số 138/2015/TTLT-BQP-BLĐTBXH-BTC ngày 16/12/2015 hướng dẫn thực hiện Quyết định số 49/2015/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

Bộ trưởng Bộ Quốc phòng ban hành Quyết định số 4969/QĐ-BQP ngày 20/11/2015 ban hành mẫu Giấy chứng nhận tham gia dân công hỏa tuyến và Chỉ thị số 95/CT-BQP ngày 24/11/2015 về việc thực hiện chế độ, chính sách đối với dân công hỏa tuyến. Ban Chỉ đạo 24 Bộ Quốc phòng và Cơ quan Thường trực đã kịp thời ban hành các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện và giải quyết các

1. Số lượng đối tượng đã giải quyết chế độ trợ cấp một lần trên 1 triệu 170 nghìn người; còn chưa giải quyết trên 166.000 người; trong đó: hầu hết đối tượng không có hồ sơ, giấy tờ (khoảng 1% có khai trong hồ sơ cá nhân); khoảng 55% đối tượng đã từ trần.

vướng mắc phát sinh, góp phần nâng cao chất lượng thực hiện chế độ, chính sách ở các cấp².

2. Công tác quán triệt, lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện chính sách nghiêm túc, chặt chẽ, hiệu quả

Cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương các cấp; cấp ủy, chỉ huy các cơ quan, đơn vị đã quán triệt nghiêm túc Kết luận của Bộ Chính trị, Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, Thông tư liên Bộ, Chỉ thị của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, các văn bản hướng dẫn, chỉ đạo của Ban Chỉ đạo 24 Bộ Quốc phòng và của các cơ quan chức năng để triển khai thực hiện.

Sau Hội nghị tập huấn triển khai toàn quốc (tháng 12/2015), các đơn vị, địa phương đã kịp thời lãnh đạo, chỉ đạo kiện toàn Ban Chỉ đạo các cấp, Hội đồng chính sách xã (phường) và thành lập Tổ tư vấn ở cấp huyện, do chỉ huy cơ quan quân sự làm Tổ trưởng (gồm: Đại diện lãnh đạo Ủy ban các thời kỳ, đại diện Ban Chỉ huy quân sự, Phòng Nội vụ, Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội, Cựu chiến binh, cơ quan lưu trữ...); tổ chức phân công trách nhiệm cho các cơ quan thành viên Ban Chỉ đạo; ban hành chỉ thị, xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện sát với tình hình thực tiễn của các đơn vị, địa phương.

Quá trình thực hiện, Ban Chỉ đạo các cấp đã chỉ đạo Cơ quan Thường trực chủ động phối hợp với cơ quan chức năng ngành Lao động - Thương binh và Xã hội, Hội Cựu chiến binh, Hội Cựu thanh niên xung phong, Mặt trận Tổ quốc, Hội Người cao tuổi và Tổ tư vấn, bám sát cơ sở, kịp thời tham mưu, đề xuất với cấp ủy, chính quyền địa phương, lãnh đạo, chỉ huy các đơn vị chỉ đạo chặt chẽ các khâu, các bước trong triển khai tổ chức thực hiện chính sách ở các cấp; phát huy vai trò của Tổ tư vấn và trách nhiệm của Hội đồng chính sách cơ sở trong việc xác định số lượng và các đợt tham gia dân công hỏa tuyến ở địa phương trong các thời kỳ kháng chiến, chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, tạo điều kiện thuận lợi trong hướng dẫn đối tượng hoặc thân nhân đối tượng kê khai, lập hồ sơ đề nghị hưởng chế độ và xét duyệt, thẩm định ở các cấp.

3. Công tác tuyên truyền, phổ biến và triển khai, tổ chức thực hiện chính sách được các đơn vị, địa phương thực hiện tích cực, đồng bộ, quyết liệt

Các đơn vị, địa phương đã tích cực, chủ động thực hiện có hiệu quả công tác tuyên truyền, phổ biến sâu rộng chính sách đến nhân dân và đối tượng thụ hưởng chính sách; phát huy vai trò của các tổ chức trong hệ thống chính trị, các phương tiện thông tin, truyền thông đại chúng; có nhiều hình thức, biện pháp tuyên truyền, phổ biến phong phú, sát với điều kiện của từng địa phương.

2. Ban Chỉ đạo 24/BQP ban hành Công văn số 1233/BQPP-BCĐ ngày 10/7/2017 về chỉ đạo các đơn vị, địa phương đẩy nhanh tiến độ thực hiện chính sách; Liên Cục Chính sách, Tài chính ban hành Hướng dẫn số 1825/HD-LC-CS-TC ngày 18/7/2016 hướng dẫn chi lệ phí thực hiện chính sách; Cục Chính sách - Cơ quan Thường trực BCĐ 24/BQP ban hành Công văn số 3558/CS-NC ngày 21/12/2015, Công văn số 2195/CQTT-CS ngày 20/8/2016, Công văn số 2597/CS-TTĐT ngày 05/10/2016; Cục Tài chính ban hành Hướng dẫn số 2244/HD-CTC ngày 17/12/2015 về việc thực hiện chế độ, chính sách theo Quyết định số 49 của Thủ tướng Chính phủ.

Đã tập trung quán triệt, tuyên truyền, phổ biến các nội dung cơ bản về đối tượng, điều kiện hưởng chế độ, chính sách, thủ tục, hồ sơ và quy trình, trách nhiệm tổ chức thực hiện; thông báo rộng rãi kế hoạch triển khai thực hiện của địa phương; tài liệu phục vụ công tác tuyên truyền và tổ chức thực hiện chính sách được các cấp chuẩn bị chu đáo, in ấn cấp phát đến tận cơ sở xã, phường, thôn, xóm trong toàn quốc.

Ban Chỉ đạo các cấp đã chỉ đạo Cơ quan Thường trực phối hợp chặt chẽ, thường xuyên với các báo, đài phát thanh, truyền hình Trung ương, địa phương, Báo Quân đội nhân dân, Trung tâm Phát thanh - Truyền hình Quân đội, Cổng Thông tin điện tử Chính phủ, Cổng Thông tin điện tử Bộ Quốc phòng, Cổng thông tin điện tử ngành Chính sách Quân đội, Chương trình tiếp chuyện bạn nghe đài VOV... tổ chức thực hiện nhiều chương trình phóng sự, phỏng vấn, tọa đàm, giải đáp, trả lời khán thính giả trên sóng phát thanh, truyền hình. Các hoạt động hỗ trợ, tư vấn, hướng dẫn về chế độ, chính sách; công tác tiếp công dân, trả lời đơn thư, ý kiến kiến nghị của cử tri đã được cơ quan, đơn vị, địa phương các cấp quan tâm thực hiện có nền nếp; thông qua đó, chế độ, chính sách đã thực sự đến với nhân dân và đối tượng chính sách, nhất là các đối tượng ở địa bàn vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, đối tượng đi làm ăn xa. Các vấn đề vướng mắc, phát sinh, ý kiến kiến nghị của nhân dân và đối tượng chính sách cơ bản được giải đáp kịp thời.

Công tác tập huấn, triển khai thực hiện chính sách được tổ chức chặt chẽ, thống nhất từ Trung ương đến địa phương; bảo đảm đúng nội dung, tiến độ, thành phần theo quy định. Cơ quan chính sách các cấp được lãnh đạo, chỉ huy các đơn vị quan tâm tăng cường, bổ sung lực lượng theo quy định tại Chỉ thị số 95/CT-BQP ngày 24/11/2015 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, nhất là các đơn vị, địa phương có số lượng đối tượng thụ hưởng chính sách lớn. Cơ sở vật chất, trang thiết bị, kinh phí phục vụ thực hiện nhiệm vụ được các cấp quan tâm, bảo đảm kịp thời, đúng quy định.

Quá trình thực hiện, từ Trung ương đến địa phương đã tổ chức tốt việc làm điểm, rút kinh nghiệm và sơ kết việc thực hiện ở từng cấp; chú trọng bồi dưỡng nâng cao trình độ nghiệp vụ cho cán bộ lãnh đạo và đội ngũ cán bộ chuyên môn trực tiếp làm công tác chính sách, nhất là các đồng chí mới được bổ sung, tăng cường, các thành viên trong Hội đồng chính sách xã (phường), Tổ tư vấn và đội ngũ cán bộ trực tiếp làm công tác thẩm định, xét duyệt hồ sơ, bảo đảm đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ; có nhiều giải pháp phối hợp, phát huy vai trò trách nhiệm của cơ quan chức năng các Bộ, ngành, địa phương trong chỉ đạo, tổ chức thực hiện chế độ, chính sách; mở rộng dân chủ, tăng cường vai trò giám sát của nhân dân, của đối tượng chính sách, không để tiêu cực xảy ra.

4. Tổ chức xét duyệt, thẩm định hồ sơ; chi trả chế độ, cấp Giấy chứng nhận chặt chẽ, nghiêm túc, bảo đảm dân chủ, công khai, công bằng, chính xác, đúng quy định

Công tác tổ chức xét duyệt, thẩm định, ra quyết định hưởng chế độ được các cấp thực hiện chặt chẽ, nghiêm túc, bảo đảm dân chủ, công khai, công bằng,

chính xác, đúng quy trình. Ban Chỉ đạo cấp huyện và các cơ quan chức năng đã thường xuyên bám sát cơ sở, tham dự và chỉ đạo hội nghị xét duyệt của Hội đồng chính sách cấp xã. Phát huy vai trò, trách nhiệm của Hội đồng chính sách xã (phường), Tổ tư vấn; tăng cường công tác phối kết hợp thường xuyên giữa cơ quan Quân sự, ngành Lao động - Thương binh và Xã hội, Hội Cựu chiến binh, Hội Cựu thanh niên xung phong, Mặt trận Tổ quốc... góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác xét duyệt, thẩm định, giải quyết chính sách ở các cấp; kịp thời phát hiện các trường hợp không đúng đối tượng hoặc trùng hưởng chế độ, hạn chế thấp nhất sai sót trong quá trình tổ chức thực hiện.

Công tác chi trả chế độ, cấp Giấy chứng nhận cho các đối tượng được các đơn vị, địa phương thực hiện chặt chẽ, kịp thời, chính xác. Các huyện (quận) tổ chức chi trả tập trung tại huyện hoặc cụm xã, có đại diện cấp ủy đảng, chính quyền địa phương, ban, ngành là thành viên Ban Chỉ đạo tới dự và phát biểu động viên, kết hợp với tuyên truyền, đưa tin đã góp phần tôn vinh công lao đóng góp của lực lượng dân công hỏa tuyến, làm tăng thêm lòng tin, niềm tự hào, phấn khởi của nhân dân và đối tượng chính sách đối với Đảng, Nhà nước.

Cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo 24 Bộ Quốc phòng đã phối hợp chặt chẽ với cơ quan chức năng của Bộ Quốc phòng và các Bộ, ngành liên quan, kịp thời báo cáo, đề nghị cấp có thẩm quyền bảo đảm kinh phí và phân bổ kinh phí cho các đơn vị, địa phương để thực hiện chi trả cho đối tượng.

Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đã quan tâm chỉ đạo Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với Cơ quan quân sự và Bảo hiểm xã hội tỉnh thực hiện kịp thời chế độ bảo hiểm y tế, chế độ mai táng phí đối với đối tượng tử trần theo quy định.

Sau 4 năm triển khai thực hiện, tính đến hết tháng 8/2019, các đơn vị, địa phương trong toàn quốc đã xét duyệt, thẩm định, ra quyết định hưởng chế độ trợ cấp một lần và cấp Giấy chứng nhận trên 1 triệu 170 nghìn đối tượng, với số tiền chi trả gần 2.500 tỷ đồng. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội các địa phương đã chủ động phối hợp với Cơ quan quân sự, cơ quan bảo hiểm xã hội xem xét, báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện chế độ bảo hiểm y tế đối với 210.955 đối tượng; giải quyết chế độ trợ cấp mai táng phí đối với 19.219 đối tượng đã tử trần sau ngày 01/01/2016.

Những đơn vị, địa phương đã giải quyết được số lượng lớn đối tượng là Quân khu 4 (554.693), Quân khu 2 (282.048), Quân khu 1 (141.276). Các tỉnh trong địa bàn quân khu có số lượng đối tượng lớn: Bắc Ninh (24.674); Phú Thọ (72.255); Ninh Bình (17.356); Thanh Hóa (202.268); Nghệ An (187.670); Quảng Ngãi (10.889); Bình Dương (10.273); An Giang (11.505).

Hiện nay, số đối tượng còn lại chưa được giải quyết chế độ trợ cấp một lần khoảng trên 166.000 người; số này cơ bản đã được kê khai, lập hồ sơ và đang được xét duyệt, thẩm định ở các cấp (Phụ lục kèm theo).

5. Thường xuyên chú trọng làm tốt công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện chính sách; nắm chắc tình hình, kịp thời hướng dẫn, chỉ đạo giải quyết những vướng mắc, phát sinh; tổ chức quản lý hồ sơ đối tượng bảo đảm chặt chẽ, khoa học

Ban chỉ đạo, Cơ quan Thường trực các cấp trong quá trình chỉ đạo thực hiện đã tích cực, chủ động bám sát cơ sở; thường xuyên đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc thực hiện chính sách và quản lý, nắm chắc tình hình, nhất là các đơn vị, địa phương tiến độ thực hiện chậm hoặc có vướng mắc, phát sinh; kịp thời rút kinh nghiệm, bổ sung các chủ trương, giải pháp lãnh đạo, chỉ đạo giúp các đơn vị, địa phương tháo gỡ vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ, nâng cao chất lượng, hiệu quả thực hiện chính sách ở các cấp.

Công tác quản lý, lưu trữ hồ sơ, dữ liệu về đối tượng trong quá trình thực hiện chính sách đã được các đơn vị, địa phương quan tâm đầu tư vật chất, trang thiết bị cần thiết; ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, lưu trữ bảo đảm chặt chẽ, khoa học, phục vụ tốt cho công tác phân loại, thuận tiện trong xét duyệt, thẩm định và tra cứu ở các cấp.

B. HẠN CHẾ, NGUYÊN NHÂN VÀ KINH NGHIỆM

1. Hạn chế

- Công tác lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện chính sách ở một số đơn vị, địa phương duy trì chưa thường xuyên, liên tục quyết liệt; việc phối kết hợp giữa các cơ quan chức năng trong chỉ đạo tổ chức thực hiện có lúc, có nơi chưa chặt chẽ.

- Công tác tuyên truyền, phổ biến chế độ, chính sách ở một số đơn vị, địa phương tiến hành chưa thường xuyên, sâu rộng; việc xác định các đợt và số lượng đối tượng tham gia dân công hỏa tuyến chưa được rà soát cụ thể; vấn đề nghiên cứu và nắm quy định về đối tượng, điều kiện hưởng chế độ, chính sách của một số đơn vị, địa phương và cán bộ trực tiếp giải quyết chính sách nhất là cấp cơ sở còn hạn chế, lúng túng, chưa sâu, chưa sát. Do vậy, việc xác định đối tượng nhiều trường hợp còn chung chung, kê khai tính chất, địa bàn, thời gian thực hiện nhiệm vụ không phù hợp. Công tác hướng dẫn kê khai lập hồ sơ ở cấp cơ sở xã (phường) một số nơi chưa cụ thể, tỷ mỉ; giấy tờ trong hồ sơ xét hưởng chế độ còn có nội dung chưa thống nhất; còn có tẩy xóa, sửa chữa phải làm đi làm lại gây phiền hà cho đối tượng, ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện chính sách.

- Quá trình xét duyệt, thẩm định có nơi chưa thực sự chặt chẽ. Do vậy, mặc dù qua nhiều bước, nhiều cấp xét duyệt vẫn còn có trường hợp sai sót về đối tượng và trùng hưởng chế độ. Một số Quân khu có số lượng đối tượng ít nhưng tiến độ xét duyệt ở các cấp còn chậm. Công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện ở một số địa phương chưa thường xuyên; quản lý, theo dõi và nắm tình hình chưa cụ thể và thiếu chủ động trong chỉ đạo giải quyết vướng mắc phát sinh, dẫn đến đối tượng bức xúc có đơn thư phản ánh, khiếu nại vượt cấp.

- Công tác bảo đảm kinh phí thực hiện chế độ trợ cấp một lần có thời điểm chưa kịp thời; tiến độ chi trả chế độ trợ cấp một lần và thực hiện chế độ

bảo hiểm y tế cho các đối tượng trong phạm vi toàn quốc nhìn chung còn chậm so với yêu cầu đặt ra.

2. Nguyên nhân hạn chế

Những hạn chế nêu trên, có cả nguyên nhân khách quan và chủ quan, trong đó nguyên nhân chủ quan là chủ yếu, đó là:

- Công tác lãnh đạo, chỉ đạo ở một số đơn vị, địa phương có thời điểm chưa được quan tâm đúng mức; chưa thực sự sâu sát bám nắm cơ sở, kiểm tra, đôn đốc, chỉ đạo khắc phục khâu yếu, mặt yếu. Quá trình thực hiện có nơi còn có biểu hiện giao khoán cho Ban Chỉ đạo và Cơ quan Thường trực.

- Ban Chỉ đạo các cấp chưa phát huy hết vai trò, trách nhiệm của các thành viên Ban Chỉ đạo Cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo, Tổ tư vấn một số đơn vị, địa phương chưa thực sự chủ động, tích cực trong tham mưu, phối hợp, đề xuất các giải pháp để chỉ đạo nâng cao chất lượng, đẩy nhanh tiến độ thực hiện.

- Việc tăng cường lực lượng, tổ chức tập huấn, bồi dưỡng cho đội ngũ cán bộ làm công tác chính sách ở một số đơn vị, địa phương chưa thực sự được quan tâm đúng mức hoặc chưa kịp thời.

- Cán bộ cơ sở một số đơn vị, địa phương chưa tích cực nghiên cứu, để nắm chắc nội dung các văn bản quy định, hướng dẫn thực hiện; nhất là các quy định về đối tượng, điều kiện hưởng chế độ; hồ sơ, quy trình, trách nhiệm thực hiện chính sách, do đó ảnh hưởng đến tiến độ, chất lượng thực hiện. Chưa kịp thời rút kinh nghiệm trong tổ chức thực hiện; các sai sót trong kê khai lập hồ sơ và trong xét duyệt, thẩm định chậm được khắc phục, sửa chữa.

3. Một số kinh nghiệm

Một là, thường xuyên tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy Đảng, chính quyền, cấp ủy, chỉ huy các cấp; từng giai đoạn xác định rõ chủ trương, giải pháp triển khai thực hiện phù hợp với từng đơn vị, địa phương.

Hai là, phát huy vai trò của các cơ quan thông tấn, báo chí và các phương tiện thông tin đại chúng với nhiều hình thức, biện pháp linh hoạt, phong phú, chủ động, tích cực làm tốt công tác tuyên truyền, phổ biến sâu rộng chế độ, chính sách đến mọi cấp, mọi ngành, nhân dân và đối tượng chính sách.

Ba là, triển khai thực hiện đồng bộ, thống nhất từ Trung ương đến cơ sở; thực hiện đúng quy trình giải quyết chính sách từ khâu hướng dẫn kê khai lập hồ sơ đến khâu xét duyệt, thẩm định, ra quyết định và chi trả chế độ bảo đảm chặt chẽ, dân chủ, công khai, công bằng, chính xác.

Bốn là, đề cao trách nhiệm thực hiện của Hội đồng chính sách xã (phường), các cơ quan chức năng, ban, ngành, đoàn thể trong hệ thống chính trị; tính chủ động, sáng tạo trong tham mưu, đề xuất của Cơ quan Thường trực, Tổ tư vấn; có cơ chế phối hợp chặt chẽ; tăng cường lực lượng phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ trong từng giai đoạn thực hiện chính sách; thường xuyên bồi dưỡng kinh nghiệm và trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ trực tiếp làm công tác chính sách ở các cấp.

Năm là, tăng cường công tác kiểm tra, chỉ đạo của các cấp, vai trò giám sát của các cơ quan chức năng, của nhân dân và đối tượng chính sách. Thường xuyên quản lý, nắm chắc tình hình cơ sở; chú trọng làm tốt công tác rút kinh nghiệm ở các cấp; kịp thời phát hiện, xử lý các vấn đề vướng mắc, phát sinh trong quá trình triển khai thực hiện.

*** Đánh giá chung**

Sau 4 năm triển khai thực hiện Quyết định số 49/2015/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, tuy còn tồn tại một số hạn chế trong thực hiện, song có thể khẳng định, chính sách đối với dân công hoả tuyến đã được cấp ủy, chính quyền địa phương các cấp và lãnh đạo, chỉ huy các cơ quan, đơn vị quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện chặt chẽ, nghiêm túc, tích cực với quyết tâm cao; quá trình thực hiện bảo đảm đúng quy trình quy định, dân chủ, công khai, công bằng, chính xác. Kết quả đạt được thể hiện trách nhiệm chính trị cao, sự cố gắng, nỗ lực của các cấp, các ngành, các đơn vị, địa phương; đồng thời, khẳng định ý nghĩa chính trị, xã hội sâu rộng của chính sách, củng cố niềm tin của nhân dân và đối tượng chính sách đối với Đảng, Nhà nước; góp phần tăng cường an sinh xã hội, ổn định tình hình ở các địa phương và trong cả nước; tăng cường sức mạnh tổng hợp trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Tiêu biểu trong triển khai thực hiện chế độ, chính sách theo Quyết định số 49/2015/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ là Quân khu 4, Quân khu 2 và Bộ CHQS các tỉnh: Thanh Hóa, Nghệ An, Phú Thọ, Bắc Ninh, Hải Dương, Quảng Ngãi, Tây Ninh, An Giang.

Phần 2

PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP THỰC HIỆN TRONG THỜI GIAN TỚI

I. PHƯƠNG HƯỚNG

Tiếp tục quán triệt và thực hiện nghiêm túc chủ trương của Bộ Chính trị và Quyết định số 49/2015/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về thực hiện chính sách đối với dân công hoả tuyến; phân đấu hết quý IV năm 2019 cơ bản hoàn thành việc xét duyệt, chi trả chế độ trợ cấp đối với các đối tượng; thực hiện đầy đủ, đồng bộ chế độ bảo hiểm y tế, kịp thời thực hiện chế độ mai táng phí theo quy định; tổ chức lưu trữ, quản lý hồ sơ chặt chẽ, khoa học; chủ động giải quyết kịp thời các vướng mắc phát sinh, không để xảy ra sai sót, tiêu cực.

II. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP THỰC HIỆN THỜI GIAN TỚI

1. Tiếp tục quán triệt nghiêm túc Kết luận của Bộ Chính trị, Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, Chỉ thị của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng và các văn bản hướng dẫn thực hiện về chính sách đối với dân công hoả tuyến.

Đối với các địa phương hiện nay còn nhiều đối tượng chưa được giải quyết chế độ hoặc tiến độ thực hiện chậm, đề nghị Ban Chỉ đạo cần tăng cường chỉ đạo, kiểm tra, giám sát việc thực hiện, bảo đảm kịp thời, đúng đối tượng, tránh tình trạng đơn thư vượt cấp.

2. Chỉ đạo các đơn vị, địa phương tiến hành đánh giá, kết luận địa bàn; đẩy nhanh tiến độ, tập trung giải quyết các trường hợp đã có hồ sơ ở các cấp; đồng thời, tiếp tục chỉ đạo rà soát các đối tượng còn tồn sót ở các địa phương; hướng dẫn đối tượng kê khai lập hồ sơ để xem xét giải quyết theo quy định. Phấn đấu hoàn thành việc thực hiện chế độ, chính sách đối với dân công hỏa tuyến, không để kéo dài.

Chỉ đạo rà soát hồ sơ của đối tượng từ cơ sở, tránh trùng hưởng chính sách trong cùng một quyết định hoặc trùng hưởng chế độ với các quyết định khác; không để sót hồ sơ của đối tượng. Những trường hợp không đúng đối tượng làm công văn thông báo địa phương và đối tượng biết; những trường hợp cần bổ sung hồ sơ, thủ tục thì hướng dẫn cho đối tượng theo quy định. Tiếp tục rà soát, giải quyết dứt điểm các trường hợp còn tồn sót theo các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ (Quyết định số 290, Quyết định số 142, Quyết định số 62).

3. Tăng cường quản lý tình hình, tiếp tục chỉ đạo, kiểm tra, giám sát chặt chẽ khâu thẩm định, xét duyệt hồ sơ ở các cấp, bảo đảm đúng đối tượng, đúng quy trình thực hiện; đầy đủ, chặt chẽ về hồ sơ.

4. Chỉ đạo thực hiện tốt công tác chi trả chế độ trợ cấp một lần và cấp Giấy chứng nhận cho các đối tượng bảo đảm chặt chẽ, kịp thời, chu đáo, chính xác không để xảy ra sai sót, tiêu cực, gây phiền hà cho đối tượng. Chủ động phối hợp với ngành Lao động - Thương binh và xã hội, Bảo hiểm xã hội địa phương thực hiện chế độ bảo hiểm y tế, chế độ mai táng phí đối với người từ trần.

5. Kịp thời phát hiện và xử lý, giải quyết những vướng mắc phát sinh ngay từ cơ sở. Thực hiện tốt công tác bảo quản, lưu trữ hồ sơ đối tượng. /

Nơi nhận:

- Bộ trưởng BQP (để báo cáo);
- Chủ nhiệm TCCT (để báo cáo);
- Đ/c Thượng tướng Lê Chiêm, TBCĐ24/BQP;
- Đ/c Trung tướng Đỗ Căn, Phó TBCĐ24/BQP;
- Các Cơ quan thành viên BCD24/BQP (16);
- Các quân khu và BTLTĐ Hà Nội (08);
- Bộ CHQS các tỉnh, TP trực thuộc TW (62);
- Hội Cựu TNXP Việt Nam;
- Văn phòng BQP, Văn phòng TCCT (02);
- Lưu: VT, NCTH. To96.

**KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN**



**PHÓ CHỦ NHIỆM TCCT
Trung tướng Đỗ Căn**

Phụ lục
KẾT QUẢ THỰC HIỆN QUYẾT ĐỊNH SỐ 49/2015/QĐ-TTg NGÀY 14/10/2015 CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ
 (Kèm theo Báo cáo số. 1842/BC-BCĐ, ngày 08 tháng 10 năm 2019 của Tổng cục Chính trị)



| TT | Đơn vị | Số lượng dự kiến hiện nay | Số đã có quyết định giải quyết chế độ | | | Đã cấp thẻ BHYT | Số từ trần đã cấp MTP | Tổng số đối tượng chưa giải quyết | Hồ sơ xét duyệt ở các cấp | | | | | Dự kiến thời gian hoàn thành |
|-----------|-------------------|---------------------------|---------------------------------------|---------------------------|------------------------------|-----------------|-----------------------|-----------------------------------|---------------------------|--------------|--------------|--------------|--------------|------------------------------|
| | | | Tổng số đối tượng | Tổng số tiền (nghìn đồng) | Đạt tỷ lệ % (so với dự kiến) | | | | Tổng số | Cấp xã | Cấp huyện | Cấp tỉnh | Cấp Quân khu | |
| I | Quân khu 1 | 124.130 | 141.276 | 290.424.300 | 113,81 | 40.024 | 3.179 | 12.877 | 12.877 | 3.131 | 2.197 | 3.542 | 4.007 | Quý 4/2019 |
| 1 | Thái Nguyên | 17.823 | 18.757 | 39.528.500 | 105,24 | 1.587 | 589 | 1.109 | 1.109 | 356 | 218 | 163 | 372 | Quý 4/2019 |
| 2 | Lạng Sơn | 23.096 | 27.958 | 57.304.000 | 121,05 | 3.826 | 541 | 3.289 | 3.289 | 515 | 230 | 642 | 1.902 | Quý 4/2019 |
| 3 | Cao Bằng | 20.280 | 21.842 | 43.796.100 | 107,70 | 13.531 | 554 | 1.004 | 1.004 | 334 | 39 | 6 | 625 | Quý 4/2019 |
| 4 | Bắc Ninh | 21.735 | 24.674 | 50.198.100 | 113,52 | 9.608 | 599 | 603 | 603 | 385 | 79 | 139 | | Quý 4/2019 |
| 5 | Bắc Giang | 39.016 | 45.747 | 94.977.600 | 117,25 | 11.164 | 871 | 6.839 | 6.839 | 1.531 | 1.631 | 2.580 | 1.097 | Quý 4/2019 |
| 6 | Bắc Kạn | 2.180 | 2.298 | 4.620.000 | 105,41 | 308 | 25 | 33 | 33 | 10 | | 12 | 11 | Quý 4/2019 |
| II | Quân khu 2 | 237.679 | 282.048 | 581.751.500 | 118,67 | 57.391 | 4.753 | 16.716 | 16.716 | 5.854 | 6.849 | 4.013 | 0 | Quý 4/2019 |
| 1 | Phú Thọ | 65.478 | 72.255 | 153.574.500 | 110,35 | 9.028 | 1.320 | 3.466 | 3.466 | 1.593 | 1.578 | 295 | 0 | Quý 4/2019 |
| 2 | Hà Giang | 26.686 | 44.026 | 88.063.200 | 164,98 | 7.009 | 768 | 3.657 | 3.657 | 1.012 | 2.645 | 0 | 0 | Quý 4/2019 |
| 3 | Tuyên Quang | 37.934 | 41.966 | 84.441.900 | 110,63 | 9.124 | 709 | 4.143 | 4.143 | 1.445 | 484 | 2.214 | 0 | Quý 4/2019 |
| 4 | Yên Bái | 31.610 | 32.250 | 66.373.100 | 102,02 | 6.479 | 515 | 617 | 617 | 0 | 617 | 0 | 0 | Quý 3/2019 |
| 5 | Vĩnh Phúc | 29.043 | 31.609 | 65.224.700 | 108,84 | 5.731 | 466 | 1.559 | 1.559 | 497 | 846 | 216 | 0 | Quý 3/2019 |
| 6 | Sơn La | 18.543 | 26.374 | 55.023.700 | 142,23 | 11.572 | 233 | 975 | 975 | 363 | 572 | 40 | 0 | Quý 3/2019 |
| 7 | Lào Cai | 12.321 | 15.949 | 32.450.600 | 129,45 | 5.007 | 355 | 1.386 | 1.386 | 251 | 40 | 1.095 | 0 | Quý 3/2019 |
| 8 | Lai Châu | 10.211 | 12.287 | 25.258.600 | 120,33 | 3.209 | 315 | 699 | 699 | 498 | 48 | 153 | 0 | Quý 3/2019 |
| 9 | Điện Biên | 5.853 | 5.332 | 11.341.200 | 91,10 | 232 | 72 | 214 | 214 | 195 | 19 | 0 | 0 | Quý 3/2019 |

| TT | Đơn vị | Số lượng dự kiến hiện nay | Số đã có quyết định giải quyết chế độ | | | Đã cấp thẻ BHYT | Số từ trần đã cấp MTP | Tổng số đối tượng chưa giải quyết | Hồ sơ xét duyệt ở các cấp | | | | | Dự kiến thời gian hoàn thành |
|------------|-------------------|---------------------------|---------------------------------------|---------------------------|------------------------------|-----------------|-----------------------|-----------------------------------|---------------------------|---------------|--------------|---------------|---------------|------------------------------|
| | | | Tổng số đối tượng | Tổng số tiền (nghìn đồng) | Đạt tỷ lệ % (so với dự kiến) | | | | Tổng số | Cấp xã | Cấp huyện | Cấp tỉnh | Cấp Quận khu | |
| III | Quân khu 3 | 114.617 | 76.626 | 163.460.900 | 66,85 | 15.003 | 1.517 | 37.991 | 37.542 | 10.747 | 5.949 | 4.692 | 16.154 | Quý 4/2019 |
| 1 | Hải Dương | 17.654 | 12.321 | 25.562.800 | 69,79 | 3.679 | 337 | 5.333 | 5.333 | 1.700 | 1.346 | 1.696 | 591 | Quý 4/2019 |
| 2 | Hung Yên | 1.703 | 1.387 | 2.980.200 | 81,44 | 704 | 48 | 316 | 316 | 10 | 9 | 0 | 297 | Quý 4/2019 |
| 3 | Quảng Ninh | 13.500 | 11.889 | 24.345.100 | 88,07 | 3.958 | 153 | 1.611 | 1.611 | 141 | 150 | 348 | 972 | Quý 4/2019 |
| 4 | Hải Phòng | 9.930 | 3.456 | 7.412.100 | 34,80 | 1.962 | 145 | 6.474 | 6.474 | 1.800 | 1.147 | 2.000 | 1.527 | Quý 4/2019 |
| 5 | Hòa Bình | 11.006 | 8.474 | 17.195.800 | 76,99 | 45 | 107 | 2.532 | 2.532 | 300 | 232 | 0 | 2.000 | Quý 3/2019 |
| 6 | Nam Định | 11.819 | 6.152 | 13.130.000 | 52,05 | 346 | 147 | 5.667 | 5.667 | 1.211 | 1.100 | 0 | 3.356 | Quý 3/2019 |
| 7 | Ninh Bình | 21.962 | 17.356 | 36.784.500 | 79,03 | 1.515 | 237 | 4.606 | 4.606 | 272 | 210 | 0 | 4.124 | Quý 3/2019 |
| 8 | Hà Nam | 16.716 | 8.824 | 17.846.900 | 52,79 | 644 | 167 | 7.892 | 7.443 | 4.113 | 505 | 528 | 2.297 | Quý 3/2019 |
| 9 | Thái Bình | 10.327 | 6.767 | 18.203.500 | 65,53 | 2.150 | 176 | 3.560 | 3.560 | 1.200 | 1.250 | 120 | 990 | Quý 3/2019 |
| IV | Quân khu 4 | 464.172 | 544.693 | 1.205.764.700 | 117,35 | 49.039 | 7.075 | 60.603 | 61.936 | 0 | 2.224 | 14.715 | 44.997 | Quý 4/2019 |
| 1 | Thanh Hóa | 188.479 | 202.268 | 423.165.000 | 107,32 | 14.538 | 3.023 | 45.239 | 45.239 | 0 | 1.059 | 5.461 | 38.719 | Quý 3/2019 |
| 2 | Nghệ An | 152.647 | 187.670 | 431.419.200 | 122,94 | 20.800 | 2.408 | 9.355 | 9.355 | 0 | 0 | 8.004 | 1.351 | Quý 3/2019 |
| 3 | Hà Tĩnh | 70.991 | 83.883 | 194.104.900 | 118,16 | 4.440 | 1.051 | 3.995 | 3.995 | 0 | 777 | 468 | 2.750 | Quý 3/2019 |
| 4 | Quảng Bình | 36.586 | 48.744 | 108.810.500 | 133,23 | 7.649 | 444 | 1 | 1.334 | 0 | 0 | 550 | 784 | Quý 3/2019 |
| 5 | Quảng Trị | 9.469 | 15.011 | 30.758.100 | 158,53 | 595 | 117 | 645 | 645 | 0 | 0 | 70 | 575 | Quý 3/2019 |
| 6 | Thừa T.Huế | 6.000 | 7.117 | 17.507.000 | 118,62 | 1.017 | 32 | 1.368 | 1.368 | 0 | 388 | 162 | 818 | Quý 3/2019 |
| V | Quân khu 5 | 39.205 | 38.553 | 80.487.600 | 98,34 | 4.600 | 380 | 15.656 | 15.656 | 5.784 | 3.374 | 1.677 | 4.821 | Quý 4/2019 |
| 1 | Đà Nẵng | 1.811 | 1.009 | 2.107.100 | 55,72 | 161 | 14 | 167 | 167 | 88 | 78 | 1 | 0 | Quý 3/2019 |
| 2 | Quảng Nam | 6.402 | 7.393 | 15.606.000 | 115,48 | 821 | 117 | 2.930 | 2.930 | 2.093 | 691 | 0 | 146 | Quý 3/2019 |
| 3 | Quảng Ngãi | 11.956 | 10.889 | 21.954.300 | 91,08 | 198 | 12 | 5.041 | 5.041 | 914 | 581 | 342 | 3.204 | Quý 3/2019 |

| TT | Đơn vị | Số lượng dự kiến hiện nay | Số đã có quyết định giải quyết chế độ | | | Đã cấp thẻ BHYT | Số từ trần đã cấp MTP | Tổng số đối tượng chưa giải quyết | Hồ sơ xét duyệt ở các cấp | | | | | Dự kiến thời gian hoàn thành |
|-------------|-------------------|---------------------------|---------------------------------------|---------------------------|------------------------------|-----------------|-----------------------|-----------------------------------|---------------------------|--------------|--------------|------------|--------------|------------------------------|
| | | | Tổng số đối tượng | Tổng số tiền (nghìn đồng) | Đạt tỷ lệ % (so với dự kiến) | | | | Tổng số | Cấp xã | Cấp huyện | Cấp tỉnh | Cấp Quân khu | |
| 4 | Bình Định | 2.798 | 5.733 | 11.634.300 | 204,90 | 943 | 51 | 4.221 | 4.221 | 1.234 | 1.383 | 205 | 1.399 | Quý 3/2019 |
| 5 | Phú Yên | 4.218 | 3.130 | 6.292.800 | 74,21 | 229 | 30 | 348 | 348 | 150 | 50 | 148 | 0 | Quý 3/2019 |
| 6 | Khánh Hoà | 417 | 527 | 1.210.400 | 126,38 | 346 | 11 | 118 | 118 | 66 | 29 | 1 | 22 | Quý 3/2019 |
| 7 | Ninh Thuận | 170 | 176 | 589.100 | 103,53 | 29 | 0 | 10 | 10 | 0 | 6 | 0 | 4 | Quý 3/2019 |
| 8 | Gia Lai | 2.916 | 1.615 | 3.388.500 | 55,38 | 731 | 31 | 965 | 965 | 197 | 224 | 544 | 0 | Quý 3/2019 |
| 9 | Kom Tum | 4.027 | 4.875 | 10.469.800 | 121,06 | 333 | 42 | 284 | 284 | 121 | 117 | 0 | 46 | Quý 3/2019 |
| 10 | Đắk Lắk | 3.156 | 2.165 | 5.037.700 | 68,60 | 631 | 63 | 1.394 | 1.394 | 898 | 203 | 293 | 0 | Quý 3/2019 |
| 11 | Đắk Nông | 1.334 | 1.041 | 2.197.600 | 78,04 | 178 | 9 | 178 | 178 | 23 | 12 | 143 | 0 | Quý 3/2019 |
| VII | Quân khu 7 | 37.236 | 33.957 | 71.140.900 | 91,19 | 21.307 | 1.017 | 8.546 | 7.422 | 2.834 | 2.225 | 718 | 1.645 | Quý 1/2020 |
| 1 | Bà Rịa-Vũng Tàu | 720 | 766 | 1.793.300 | 106,39 | 212 | 19 | 58 | 47 | 25 | 15 | 7 | 0 | Quý 4/2019 |
| 2 | Bình Dương | 9.811 | 10.273 | 20.757.300 | 104,71 | 7.121 | 328 | 240 | 215 | 25 | 14 | 0 | 176 | Quý 4/2019 |
| 3 | Bình Phước | 2.653 | 2.663 | 5.595.200 | 100,38 | 1.997 | 172 | 260 | 190 | 60 | 29 | 30 | 71 | Quý 4/2019 |
| 4 | Bình Thuận | 616 | 586 | 1.301.200 | 95,13 | 348 | 16 | 48 | 42 | 12 | 10 | 12 | 8 | Quý 4/2019 |
| 5 | Đồng Nai | 820 | 828 | 1.893.800 | 100,98 | 530 | 14 | 139 | 97 | 33 | 25 | 39 | 0 | Quý 4/2019 |
| 6 | Lâm Đồng | 987 | 877 | 2.020.900 | 88,86 | 772 | 105 | 276 | 256 | 10 | 10 | 110 | 126 | Quý 3/2019 |
| 7 | Long An | 9.500 | 7.893 | 16.750.700 | 83,08 | 6.843 | 255 | 3.308 | 2.808 | 1.430 | 416 | 500 | 462 | Quý 4/2019 |
| 8 | Tây Ninh | 10.590 | 8.785 | 17.622.800 | 82,96 | 2.219 | 93 | 3.911 | 3.511 | 1.189 | 1.689 | 0 | 633 | Quý 4/2019 |
| 9 | TP. Hồ Chí Minh | 1.539 | 1.286 | 3.405.700 | 83,56 | 1.265 | 15 | 306 | 256 | 50 | 17 | 20 | 169 | Quý 4/2019 |
| XIII | Quân khu 9 | 31.533 | 37.991 | 60.234.100 | 120,48 | 19.367 | 910 | 7.941 | 7.255 | 1.681 | 1.751 | 787 | 3.036 | Quý 4/2019 |
| 1 | Cà Mau | 2.295 | 3.469 | 5.362.100 | 151,15 | 902 | 245 | 174 | 174 | 44 | 2 | 0 | 128 | Quý 3/2019 |
| 2 | Bạc Liêu | 201 | 196 | 395.600 | 97,51 | 135 | 12 | 62 | 62 | 42 | 0 | 20 | 0 | Quý 3/2019 |

| TT | Đơn vị | Số lượng dự kiến hiện nay | Số đã có quyết định giải quyết chế độ | | | Đã cấp thẻ BHYT | Số từ trần đã cấp MTP | Tổng số đối tượng chưa giải quyết | Hồ sơ xét duyệt ở các cấp | | | | | Dự kiến thời gian hoàn thành |
|------------------|------------------|---------------------------|---------------------------------------|---------------------------|------------------------------|-----------------|-----------------------|-----------------------------------|---------------------------|---------------|---------------|---------------|---------------|------------------------------|
| | | | Tổng số đối tượng | Tổng số tiền (nghìn đồng) | Đạt tỷ lệ % (so với dự kiến) | | | | Tổng số | Cấp xã | Cấp huyện | Cấp tỉnh | Cấp Quân khu | |
| 3 | Sóc Trăng | 1.520 | 1.821 | 3.234.000 | 119,80 | 377 | 52 | 39 | 39 | 0 | 39 | 0 | 0 | Quý 3/2019 |
| 4 | Hậu Giang | 713 | 1.035 | 1.910.000 | 145,16 | 680 | 11 | 71 | 71 | 36 | 3 | 32 | 0 | Quý 4/2019 |
| 5 | TP. Cần Thơ | 332 | 346 | 708.500 | 104,22 | 321 | 2 | 40 | 40 | 5 | 7 | 28 | 0 | Quý 4/2019 |
| 6 | An Giang | 8.680 | 11.505 | 16.174.700 | 132,55 | 5.322 | 308 | 3.598 | 3.298 | 997 | 371 | 212 | 1.718 | Quý 3/2019 |
| 7 | Kiên Giang | 5.118 | 5.205 | 7.639.200 | 101,70 | 4.009 | 78 | 1.139 | 1.139 | 204 | 163 | 142 | 630 | Quý 4/2019 |
| 8 | Đồng Tháp | 2.125 | 2.157 | 3.825.000 | 101,51 | 630 | 51 | 729 | 343 | 122 | 97 | 11 | 113 | Quý 4/2019 |
| 9 | Vĩnh Long | 2.323 | 2.723 | 5.114.700 | 117,22 | 1.833 | 27 | 126 | 126 | 29 | 32 | 65 | 0 | Quý 3/2019 |
| 10 | Trà Vinh | 2.037 | 2.474 | 4.453.900 | 121,45 | 1.815 | 51 | 183 | 183 | 92 | 36 | 28 | 27 | Quý 4/2019 |
| 11 | Tiền Giang | 3.577 | 4.022 | 6.000.100 | 112,44 | 965 | 36 | 1.334 | 1.334 | 38 | 836 | 40 | 420 | Quý 3/2019 |
| 12 | Bến Tre | 2.612 | 3.038 | 5.416.300 | 116,31 | 2.378 | 37 | 446 | 446 | 72 | 165 | 209 | 0 | Quý 4/2019 |
| IX | TĐ Hà Nội | 18.403 | 18.467 | 38.882.400 | 100,35 | 4.224 | 388 | 6.608 | 6.172 | 2.334 | 3.057 | 0 | 781 | Quý 4/2019 |
| TOÀN QUỐC | | 1.066.975 | 1.173.611 | 2.492.146.400 | 109,99 | 210.955 | 19.219 | 166.938 | 165.576 | 32.365 | 27.626 | 30.144 | 75.441 | |

Ghi chú:

Số đã có quyết định hưởng trợ cấp một lần: **1.173.611** người (trong đó: Còn sống **555.949**, đã từ trần **617.662**). Dân công hỏa tuyến tham gia kháng chiến chống Pháp: **564.295**; chống Mỹ: **364.973**; tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, làm nhiệm vụ quốc tế sau ngày 30/4/1975: **244.343** người./.